
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

MÔN: ĐỊA LÍ

Ngày thi: **16/11/2012.**

Thời gian làm bài: 180 phút.
(không kể thời gian giao đề)

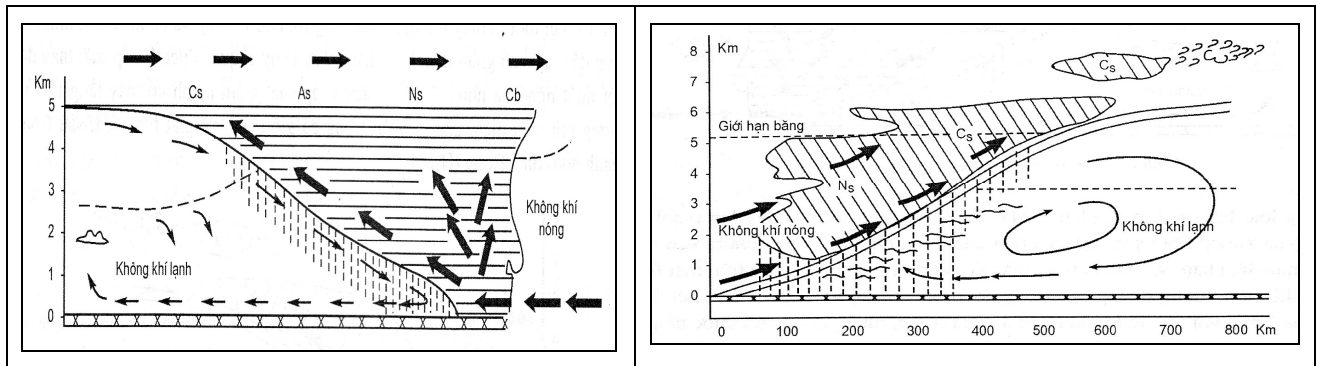
(Đề thi này có 02 trang)

Họ và tên, chữ ký
của giám thị số 1:

.....
.....

Câu 1(3 điểm)

a) Cho sơ đồ sau



Hình 1

Hình 2

Dựa vào các hình vẽ, nhận diện hình nào là frông nóng, hình nào là frông lạnh? Tại sao? Cho biết về sự hình thành, thời gian hoạt động của của frông và dải hội tụ nhiệt đới ở Việt Nam.

b) Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự phân bố sinh vật theo vĩ độ trên thế giới.

Câu 2(2 điểm)

a) Vì sao ở các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) phổ biến hình thức khu công nghiệp, khu chế xuất?

b) Phân tích ảnh hưởng của dân cư tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

Câu 3(3 điểm)

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh rằng nguyên nhân gây mưa chủ yếu ở nước ta là do hoàn lưu khí quyển và địa hình.

b) Tại sao ở khu vực phía Đông Bắc Bộ lại có hướng gió Đông Nam thịnh hành vào mùa hạ.

Câu 4 (3 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự phân hoá thủy văn của vùng kinh tế Bắc Trung Bộ?
- b) Tại sao dải đồng bằng Duyên hải miền Trung là vùng chịu tác động mạnh của bão?

Câu 5(3 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh mạng lưới đô thị của Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Hãy cho biết vấn đề cần đặt ra trong quá trình đô thị hoá ở nước ta.

Câu 6(3 điểm)

- a) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy chứng minh rằng ngành thủy sản của nước ta có vai trò quan trọng và phát triển nhanh.
- b) Tại sao việc phát triển ngành chăn nuôi có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển các vùng nông thôn ở nước ta?

Câu 7(3 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy giải thích tại sao ngành thương mại vùng Đông Nam Bộ phát triển?

----- Hết -----

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

MÔN: Địa lí.

(Hướng dẫn chấm này có 05 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	a	Nhận biết sơ đồ frông – Cơ sở phân biệt. Liên hệ Việt Nam	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết - Hình 1: frông lạnh - Hình 2: frông nóng ▪ Cơ sở - Hình 1 là Frông lạnh vì: <ul style="list-style-type: none"> + Có khối khí lạnh chủ động di chuyển ở phía dưới đẩy lùi khối khí nóng ở phía trên buộc nó phải nâng lên cao, nhiệt độ hạ thấp xuống đoạn nhiệt, hơi nước ngưng kết thành mây, mưa. Trước frông là khối khí nóng, sau frông là khối khí lạnh. + Khối khí lạnh dưới mặt frông hình thành một cái nêm tù. - Hình 2 là frông nóng vì: <ul style="list-style-type: none"> + Có khối khí nóng chủ động đẩy lùi khối khí lạnh, khối khí nóng tràn lên mặt frông, chuyển động đi lên, bị lạnh đoạn nhiệt, hơi nước ngưng kết tạo thành hệ thống mây và cho mưa trước chân frông. + Khối khí lạnh dưới mặt frông hình thành một cái nêm nhọn. ▪ Liên hệ Việt Nam - Frông: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thành do sự lún sâu của khối khí Pc xuống phía nam, gặp khối khí Tm 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

		<p>tại vùng chí tuyến.</p> <p>+ Hoạt động nhiều hơn trong mùa đông thường từ tháng 11 – tháng 4. Mỗi khi hoạt động chỉ theo đợt và tạo mưa đầu thời kì hoạt động gió mùa đông bắc.</p> <p>- Dải hội tụ hoạt động vào mùa hè thu</p> <p>+ Đầu hè là dải hội tụ theo phương kinh tuyến giao giữa Tm và Tbg</p> <p>+ Từ tháng 6 – tháng 11 là dải hội tụ chính theo phương vĩ tuyến do tác động 2 khối khí Em và Tm.</p>	0,25
			0,25
	b	<i>Nguyên nhân sự phân bố sinh vật theo vĩ độ</i>	1,0
		- Sự phân bố đất, sinh vật theo vĩ độ phụ thuộc chủ yếu vào khí hậu.	0,25
		- Nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, ánh sáng là những yếu tố khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố sinh vật.	0,25
		- Do mỗi loài sinh vật thích nghi với một chế độ nhiệt nhất định, đồng thời nước và độ ẩm cũng là yếu tố quan trọng đối với sinh vật, nên phân bố sinh vật chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ nhiệt - ẩm.	0,25
		- Do Trái Đất hình cầu, nên từ Xích đạo về cực, cường độ ánh sáng và nhiệt giảm dần, chế độ nhiệt - ẩm cũng có sự thay đổi khác nhau, kéo theo sự phân bố sinh vật thay đổi theo vĩ độ.	0,25
2	a	<i>Vĩ sao ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam phổ biến hình thức khu công nghiệp, khu chế xuất.</i>	1,25
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khái niệm khu công nghiệp (KCN) ▪ Nguyên nhân do: <p>- Phù hợp với hoàn cảnh công nghiệp hóa nhiều nước (Phân tích).</p>	0,25
		- Nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư, công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ nước ngoài giải quyết khó khăn của đất nước, phát huy tiềm năng. Tạo sự tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước.	0,25
		- Giảm thiểu tình trạng quá tải về mức độ tập trung công nghiệp và cả dân cư ở đô thị, hạn chế sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các đơn vị hành chính, giữa thành thị và nông thôn. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá.	0,25
		- Góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định, sử dụng lao động hiệu	

		quả hơn. Đặc biệt tận dụng được lao động nông thôn, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.	0,25
	b	<i>Ảnh hưởng của dân cư tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.</i>	0,75
		- Quy mô và động lực tăng dân số, mức sống dân cư -> ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ (Minh họa)	0,25
		- Cơ cấu dân số tuổi, giới, xã hội (lao động, tôn giáo, phong tục...) -> ảnh hưởng tới cơ cấu dịch vụ (Minh họa)	0,25
		- Phân bố dân cư -> ảnh hưởng đến phân bố mạng lưới dịch vụ.	0,25
3	a	<i>Chứng minh rằng nguyên nhân gây mưa chủ yếu ở nước ta là do hoàn lưu khí quyển và địa hình .</i>	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Gió mùa: Nhân tố gió mùa là nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chế độ mưa nước ta.</i> 	0,25
		- Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa châu Á, nên nước ta có lượng mưa lớn hơn các nước cùng vĩ độ (Minh họa tổng lượng mưa).	0,25
		- Gió mùa hoạt động luân phiên vào các mùa trong năm với 2 mùa gió: Gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông. Gió mùa mùa hạ là nguyên nhân gây mưa chính cho nước ta	0,5
		+ Đầu mùa hạ: gió xuất phát từ vịnh Bengan, gây mưa lớn cho Tây Nguyên và Nam Bộ, vượt dãy Trường Sơn gây phơn cho Duyên hải miền Trung.	
		+ Giữa và cuối mùa hạ: gió tín phong Nam bán cầu vượt xích đạo đổi hướng gây mưa trên diện rộng.	
		→ Gió mùa mùa hạ làm cho đại bộ phận lãnh thổ nước ta có mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 với tổng lượng mưa từ 1200 - 1600mm, chiếm 80 - 90% lượng mưa cả năm.	
		- Mưa do frông và dải hội tụ nhiệt đới ở khu vực Duyên hải Trung Bộ	
		- Một số loại gió khác cũng gây mưa nhưng lượng mưa không đáng kể: Gió mùa mùa Đông Bắc vào thời kỳ cuối mùa đông; gió biển các địa phương ven biển: chỉ gây một lượng mưa ít vào cuối mùa khi qua biển...	

		<p><i>2. Mưa do địa hình</i></p> <p>- Ảnh hưởng độ cao địa hình đến lượng mưa và sự phân bố mưa: Cùng một sườn núi, càng lên cao lượng mưa càng tăng. Tới một độ cao nhất định lượng mưa giảm, sẽ không còn mưa (Minh hoạ những khu vực núi cao mưa lớn)</p> <p>- Ảnh hưởng cấu trúc địa hình tới lượng mưa và sự phân bố mưa: Cùng một sườn núi, sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít (Minh hoạ)</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
	b	<p><i>Tại sao ở khu vực phía Đông Bắc Bộ lại có hướng gió Đông Nam thịnh hành vào mùa hạ.</i></p> <p>Vào mùa hạ, Bắc Bộ là thời kì nóng nhất -> hình thành áp thấp Bắc Bộ hút gió. Ở Bắc bán cầu: Gió thổi vào trung tâm áp thấp có hướng ngược chiều kim đồng hồ (vì chịu tác động lực Côriôlit) -> Gió mùa mùa hè từ hướng Tây Nam chuyển thành Đông Nam. Hướng Đông Nam còn là hướng của lưỡi cao áp Tây Thái Bình Dương. Gió mùa Đông Nam hoạt động chỉ bị gián đoạn khi có bão và giảm dần ảnh hưởng khi gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.</p>	1,0 0,25 0,25 0,25 0,25
4	a	<p><i>Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự phân hoá thủy văn của vùng kinh tế Bắc Trung Bộ.</i></p>	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giới thiệu khái quát vị trí, giới hạn của vùng kinh tế Bắc Trung Bộ. ▪ Trình bày và giải thích về sự phân hoá sông ngòi của vùng. <p>- Sự phân hoá về mật độ sông ngòi:</p> <p>+ Mật độ sông ngòi của phía Bắc thấp hơn phía Nam của Bắc Trung Bộ do phía Bắc có diện tích rộng lớn hơn, đại bộ phận là miền núi non hiểm trở còn phía Nam Bắc Trung Bộ tuy có diện tích nhỏ hẹp hơn nhưng lại có nhiều sông nhỏ</p>	0,25

	<p>bắt nguồn từ phía Tây.</p> <p>- <i>Phân hoá về hướng chảy:</i></p> <p>+ Phía Bắc chủ yếu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam do hướng nghiêng của địa hình và hướng sơn văn định hình.(Minh hoạ)</p> <p>+ Phía Nam chủ yếu chảy theo hướng Tây - Đông do lãnh thổ hẹp ngang, núi lan sát ra biển và các sông đều bắt nguồn từ sườn đông của Trường Sơn Bắc..(Minh hoạ)</p> <p>- <i>Phân hoá về độ dài và hình thái sông</i></p> <p>+ Các sông ở phía Bắc có chiều dài lớn, độ dốc nhỏ do độ dốc trung bình của địa hình thấp; Các sông phía Nam ngắn, dốc, đào lòng sâu.</p> <p>- <i>Phân hoá về thủy chế:</i></p> <p>+ Phía Bắc có tổng lượng dòng chảy lớn hơn phía Nam do chiều dài và diện tích lưu vực lớn hơn.</p> <p>+ Thủy chế: mùa lũ chậm dần từ Bắc vào Nam do mưa chậm dần từ Bắc vào Nam.</p> <p>- <i>Phân hoá về hàm lượng phù sa:</i> phía Bắc lớn hơn phía Nam</p> <p>- <i>Phân hoá về giá trị kinh tế:</i> Các sông phía bắc có giá trị thủy điện và GTVT lớn hơn</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
b	<i>Tại sao dải đồng bằng Duyên hải miền Trung là vùng chịu tác động mạnh của bão</i>	1,0
	<p>- Bão trên biển Đông hoạt động từ tháng 5 đến tháng 12 nhưng đầu mùa, bão hướng về duyên hải Hoa Nam (Trung Quốc); giữa mùa (tháng 7- 9) bão hay đi qua bờ biển nước ta từ Quảng Ninh đến Bắc Trung Bộ; cuối mùa (tháng 10 – 12) chuyển vào Trung và Nam Trung Bộ.</p> <p>+ Bão nhiều nhất vào tháng 9, sau đến tháng 10, tháng 8. Tổng số cơn bão 3 tháng này chiếm 70% số cơn bão trong toàn mùa, ảnh hưởng bão đến ven biển miền Trung là lớn nhất.</p> <p>- Vào tháng 9,10 dải hội tụ nhiệt đới thường nằm ở khu vực miền Trung mà bão lại thường xảy ra khi cường độ hội tụ giữa gió Tín phong và gió mùa Tây Nam</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

		<p>được tăng cường trên đường hội tụ nội chí tuyến nên thời gian này miền Trung chịu ảnh hưởng trực tiếp các cơn bão đổ bộ từ Biển Đông vào đất liền.</p> <p>- Thời gian này, cuối mùa bão còn mạnh do nhiều khi có tác động cả của gió mùa Đông Bắc gây mưa sau frong.</p>	0,25
			0,25
5	a	<i>So sánh mạng lưới đô thị của Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long.</i>	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giới thiệu vùng: Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) ▪ Giống nhau: <p>- Mạng lưới đô thị tương đối dày đặc.</p> <p>- Có nhiều đô thị qui mô trung bình và lớn; Đều có chức năng đa dạng: hành chính, công nghiệp, kinh tế...</p>	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khác: <p>- ĐBSH có số lượng đô thị từ cấp đặc biệt đến cấp 4 ít hơn ĐBSCL, ĐBSH 12 đô thị, ĐBSCL 16 đô thị</p> <p>- Qui mô dân số đô thị ĐBSH lớn hơn ĐBSCL (Minh hoạ)</p>	0,5
		- Phân cấp đô thị: ĐBSH có đầy đủ 5 cấp đô thị, ĐBSCL có 3 cấp đô thị (Minh hoạ)	0,25
		- Chức năng đô thị ĐBSH đa dạng hơn ĐBSCL (Minh hoạ)	0,25
		- Phân bố mạng lưới đô thị ĐBSH rộng khắp cả vùng với mật độ dày đặc nhất cả nước, ĐBSCL phân bố không đều, tập trung dày đặc ven sông Tiền, sông Hậu.	0,25
			0,25
			0,25
	b	<i>Vấn đề cần đặt ra trong quá trình đô thị hoá ở nước ta</i>	1,0
		- Chú ý việc hình thành các đô thị lớn vì nó là trung tâm, hạt nhân phát triển của vùng. Đẩy mạnh đô thị hoá nông thôn, điều chỉnh dòng di cư nông thôn vào	0,25

		<p>thành thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo sự cân đối giữa tốc độ, quy mô dân số, lao động với sự phát triển kinh tế – xã hội của đô thị. Số dân tăng quá lớn sẽ làm phức tạp môi trường đô thị, phát sinh các tệ nạn xã hội. - Phát triển cân đối giữa kinh tế – xã hội với kết cấu hạ tầng đô thị. Đây là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị. - Quy hoạch hoàn chỉnh, đồng bộ đô thị để vừa đảm bảo môi trường xã hội lành mạnh, vừa đảm bảo môi trường sống trong sạch, cải thiện đáng kể điều kiện sống. 	0,25
			0,25
			0,25
6	a	<i>Chứng minh ngành thủy sản nước ta có vai trò quan trọng và phát triển nhanh</i>	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vai trò quan trọng của thủy sản - Tỉ trọng đóng góp thủy sản trong cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp: Từ năm 2000 – 2007: có vị trí ngày càng tăng từ 16,3% lên 26,4%; Năm 2007 chiếm tới 26,4% giá trị sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp đạt 8937,8 tỉ đồng. - Thủy sản trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam: năm 2007, xuất khẩu thủy sản đạt 7,7% tổng giá trị hàng xuất khẩu nước ta, đạt 3,47 tỉ USD. 	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thủy sản tăng trưởng nhanh về cả sản lượng đánh bắt và nuôi trồng - Tổng sản lượng thủy sản từ 2250,5 nghìn tấn lên 4197,8 nghìn tấn – tăng 1,9 lần - Sản lượng đánh bắt từ 1660,9 lên 2074,5 nghìn tấn tăng 1,2 lần. - Sản lượng nuôi trồng tăng từ 589,6 lên 2123,3 nghìn tấn tăng 3,6 lần. - Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng đánh bắt 	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nguyên nhân sự phát triển của ngành thủy sản - Nhu cầu thị trường lớn, cả trong nước và thế giới (nhu cầu dân cư, công nghiệp chế biến, xâm nhập, mở rộng thị trường ở các khu vực trên thế giới...) - Nhà nước có chính sách đầu tư về vốn, cơ sở hạ tầng (phương tiện, ngư cụ, hệ thống cảng cá, trạm giống...) đây là động lực để phát triển ngành thủy sản - Nước ta có tiềm năng về tự nhiên cho đánh bắt thủy sản: biển rộng, đường bờ 	0,25

	<p>biển dài, nhiều ngư trường rộng lớn...</p> <p>- Nguyên nhân khác: dân cư lao động...</p>	0,25
		0,25
		0,25
b	<i>Tại sao việc phát triển chăn nuôi có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển các vùng nông thôn ở nước ta.</i>	1,0
	<p>Phát triển chăn nuôi có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển các vùng nông thôn nước ta vì:</p> <p>- Chăn nuôi sẽ cung cấp nguồn thực phẩm đảm bảo chất dinh dưỡng cho con người nhằm nâng cao thể chất. Trong khi nước ta có thị trường rộng.</p> <p>- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm: thịt, sữa... nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất giấy da, công nghiệp dược phẩm... tạo ra các mặt hàng xuất khẩu quan trọng.</p> <p>- Đẩy mạnh chăn nuôi giải quyết vấn đề lao động, việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.(Với Việt Nam một nước đông dân quỹ đất nông nghiệp thấp, ngành trồng trọt tiến dần tới giới hạn, tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn là một vấn đề cần giải quyết).</p> <p>- Phát triển chăn nuôi phù hợp với điều kiện vốn, kinh tế hộ gia đình; Khai thác tốt hơn các thế mạnh về tự nhiên. Mang lại hiệu quả cao hơn trồng trọt.</p> <p>-> Vì vậy nhà nước coi phát triển chăn nuôi là định hướng trong chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, nhằm đa dạng hoá nông nghiệp.</p>	0,25
		0,25
		0,25
7	<i>Nguyên nhân ngành thương mại của Đông Nam bộ phát triển</i>	3,0
	<p><i>1. Đây là vùng có nền kinh tế phát triển nhất cả nước</i></p> <p>- Nền kinh tế phát triển nhất, trình độ cao nhất cả nước: GDP chiếm 32,3% - chiếm 1/3 GDP cả nước. So với Đồng bằng Sông Hồng gấp 1,4 lần; gấp 8,5 lần Tây Nguyên...</p> <p>- Đông Nam Bộ là vùng tập trung các trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước; tập trung các trung tâm công nghiệp hàng đầu cả nước (Minh họa).</p>	0,25
		0,5
		0,5
	<p><i>2. Có điều kiện thuận lợi để sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chủ lực.</i></p>	

	- Dầu khí: đây là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất nước ta	
	- Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước: có nhiều sản phẩm cây công nghiệp xuất khẩu như cao su, hồ tiêu, điều..	0,25
	- Là vùng có nhiều điều kiện tạo ra các mặt hàng chế biến lương thực – thực phẩm, thủy sản... → để xuất khẩu.	0,25
	3. <i>Mức sống của người dân cao.</i>	
	- Dân đông, mức sống cao: GDP/ người cao nhất (Minh họa)	0,25
	4. <i>Các điều kiện khác: vị trí, lịch sử phát triển, chính sách....</i>	
		0,5
		0,25